

Bản án số: **380/2026/HNGĐ-ST**
Ngày: 26/02/2026
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhơn
2. Bà Lâm Thị Hoàng Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Trang là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 007/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Quý Cẩm T; sinh ngày 13/5/1994; căn cước công dân số: 079194022209; địa chỉ thường trú: Số C C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ cư trú: H Winter Fall T H, T, Hoa Kỳ.

Bị đơn: Ông Vũ Ngọc Khánh Đ; sinh ngày 14/02/1994; căn cước công dân số: 079094026122; địa chỉ thường trú: Căn hộ D Lô C S, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ nơi làm việc: 4 B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/11/2025, bản tự khai, nguyên đơn là bà Trần Quý Cẩm T trình bày: Bà và ông Vũ Ngọc Khánh Đ tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường I, quận P (nay là phường Đ), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 18/02/2019. Sau khoảng thời gian đầu chung sống hạnh phúc, giữa nguyên đơn và bị đơn nảy sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, tính cách. Nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống không hạnh phúc, không thể hàn gắn tình cảm và kéo dài cuộc hôn nhân này nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/01/2026, bị đơn là ông Vũ Ngọc Khánh Đ trình bày: Ông xác nhận phần trình bày của bà T về việc kết hôn, con chung là đúng. Cuộc

sống vợ chồng của ông bà không hạnh phúc, không có khả năng hàn gắn tình cảm nên ông đồng ý ly hôn với bà T. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về việc ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng

[2.1] Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2.2] Căn cứ khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[3] Về các yêu cầu của đương sự

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 18/02/2019 do Ủy ban nhân dân I, quận P (nay là phường Đ), Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Trần Quý Cẩm T và ông Vũ Ngọc K Đạt thể hiện quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với lý do giữa nguyên đơn và bị đơn bất đồng về quan điểm, tính cách dẫn đến mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc; bị đơn đồng ý ly hôn với nguyên đơn. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn không có con chung.

[3.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – bà Trần Quý Cẩm T:

1.1. Về quan hệ vợ chồng: Bà Trần Quý Cẩm T được ly hôn với ông Vũ Ngọc Khánh Đ.

1.2. Về con chung: Không có.

1.3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng, bà Trần Quý Cẩm T phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0054990 ngày 30/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Quý Cẩm T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 5;
- THADS Tp.Hồ Chí Minh;
- UBND phường Đức Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thanh